



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4195 – 23.4201

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí xung quanh3. Ngày lấy mẫu : 01/06/20234. Ngày trả kết quả : 08/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³
K1: Khu vực khuôn viên nhà máy		60,8	0,232	0,093	0,078	< 8,3	KPH
K2: Khu vực phía trước khu vực nhà xưởng chính		61,5	0,231	0,091	0,076	< 8,3	KPH
K3: Khu vực xử lý nước thải và khu silo malt, gạo		62,1	0,235	0,090	0,077	< 8,3	KPH
K4: Khu vực cổng ra vào nhà máy		63,2	0,261	0,092	0,075	< 8,3	KPH
K5: Khu vực hàng rào giáp công ty CP		58,2	0,221	0,087	0,071	< 8,3	KPH
K6: Khu vực hàng rào giáp công ty Đồng Dương		59,8	0,211	0,088	0,072	< 8,3	KPH
K7: Khu vực hàng rào giáp Xí nghiệp may		59,8	0,214	0,087	0,073	< 8,3	KPH
LOD		-	-	-	-	-	0,008
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995
QCVN 26:2010/BTNMT Khu vực thông thường (6h – 21h)	≤ 70	-	-	-	-	-	-
QCVN 05:2013/BTNMT	-	0,3	0,35	0,2	30	-	-
QCVN 06:2009/BTNMT	-	-	-	-	-	-	0,2

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 26:2010/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT : Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4209 – 23.4210

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 01/06/20234. Ngày trả kết quả : 08/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³
K8: Khu vực nén lạnh		69,8	0,252	0,094	0,081	< 8,3	KPH
K9: Khu vực chiết rót		73,5	0,208	0,093	0,080	< 8,3	KPH
LOD		-	-	-	-	-	0,008
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971:1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT		≤ 85	-	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT		-	8	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT		-	-	10	10	40	25

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.

- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.

- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc .

- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.

- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc.



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4211

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Môi trường không khí sản xuất3. Ngày lấy mẫu : 01/06/20234. Ngày trả kết quả : 08/06/2023

Chỉ tiêu Điểm đo	Độ ồn dBA	Bụi mg/m ³	SO ₂ mg/m ³	NO ₂ mg/m ³	CO mg/m ³	NH ₃ mg/m ³	CO ₂ mg/m ³
K10: Khu vực lên men bia	65,5	0,227	0,095	0,084	< 8,3	KPH	1.702
LOD	-	-	-	-	-	0,008	-
Phương pháp đo, xác định	TCVN 7878-2:2018	TCVN 5067:1995	TCVN 5971-1995	TCVN 6137:2009	HD 85-PTCO	TCVN 5293:1995	Thiết bị đo nhập tại hiện trường
Tham khảo QCVN 24:2016/BYT	≤ 85	-	-	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 02:2019/BYT	-	8	-	-	-	-	-
Tham khảo QCVN 03:2019/BYT	-	-	10	10	40	25	18.000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- QCVN 24:2016/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn - Mức tiếp xúc cho phép tiếng ồn tại nơi làm việc .
- QCVN 02:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bụi amiăng, bụi chứa silic, bụi không chứa silic, bụi bông và bụi than - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép bụi tại nơi làm việc.
- QCVN 03:2019/BYT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia - Giá trị giới hạn tiếp xúc cho phép đối với 50 yếu tố hóa học tại nơi làm việc



PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4202 – 23.4208

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Phân loại mẫu** : Tiếng ồn môi trường xung quanh
3. **Ngày lấy mẫu** : 01/06/2023
4. **Ngày trả kết quả** : 08/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Thời gian	Độ ồn dBA
K1: Khu vực trong khuôn viên nhà máy		21h00'	53,7
K2: Khu vực phía trước khu vực nhà xưởng chính		21h20'	54,3
K3: Khu vực giữa khu vực xử lý nước thải và khu silo malt, gạo		21h40'	50,8
K4: Khu vực cổng ra vào nhà máy		21h55'	52,9
K5: Khu vực hàng rào giáp công ty CP		22h15'	50,2
K6: Khu vực hàng rào giáp công ty Đông Dương		22h35'	51,8
K7: Khu vực hàng rào giáp xí nghiệp may		22h50'	52,2
Phương pháp đo, xác định		TCVN 7878-2:2018	
QCVN 26:2010/BTNMT <i>Khu vực thông thường (21h – 6h)</i>		≤ 55	

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú:

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 26:2010/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.
- QCVN 05:2013/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh.

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234188 – 234189

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. **Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn

3. **Ngày lấy mẫu** : 31/05/2023

4. **Ngày trả kết quả** : 07/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E1: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu silo Đường kính ống khói: 0,4 m		67
E2: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống vệ sinh khu nghiền bột Đường kính ống khói: 0,4 m		94
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Giá trị nồng độ giới hạn trên chưa tính đến hệ số vùng (Kv) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kp).



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234190

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn3. Ngày lấy mẫu : 31/05/20234. Ngày trả kết quả : 07/06/2023

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO _x mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo				
E3: Bên trong ống khói lò hơi số 1 Nhiên liệu: DO Đường kính ống khói: 0,8 m	73	0	12	378
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HDNB - 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; cột B Kp = 1 và Kv = 1	200	500	850	1000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu
Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.
- Giá trị nồng độ giới hạn trên chưa tính đến hệ số vùng (Kv) và hệ số lưu lượng nguồn thải (Kp)



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234191 – 234193

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn3. Ngày lấy mẫu : 31/05/20234. Ngày trả kết quả : 07/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E4: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ silo đến máy nghiền Đường kính ống khói: 0,4 m		108
E5: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải gạo từ máy nghiền đến bồn chứa bột gạo Đường kính ống khói: 0,4 m		131
E6: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu gạo Đường kính ống khói: 0,4 m		124
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc



Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234364 – 234366

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Phân loại mẫu** : Khí thải tại nguồn
- Ngày lấy mẫu** : 02/06/2023
- Ngày trả kết quả** : 09/06/2023

Điểm đo	Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³
E7: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống nhập liệu malt		118
E8: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ silo đến máy nghiền		83
E9: Bên trong ống thải bụi sau xử lý của Hệ thống tải malt từ máy nghiền đến bồn chứa bột malt		125
Phương pháp đo, xác định		US EPA Method 5
QCVN 19:2009/BTNMT, cột B		200

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ.

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234367 – 234369

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Khí thải tại nguồn3. Ngày lấy mẫu : 02/06/20234. Ngày trả kết quả : 09/06/2023

Chỉ tiêu	Bụi mg/Nm ³	SO ₂ mg/Nm ³	NO ₂ mg/Nm ³	CO mg/Nm ³
Điểm đo				
E10: Bên trong ống khói máy phát điện số 1 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	34	18	74	182
E11: Bên trong ống khói máy phát điện số 2 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	41	36	68	167
E12: Bên trong ống khói máy phát điện số 3 Nhiên liệu: dầu DO Đường kính ống khói: 0,3m	52	24	82	141
Phương pháp đo, xác định	US EPA Method 5	HDNB – 05		
QCVN 19:2009/BTNMT, Giá trị C; Cột B (Kp = 1 và Kv = 1)	200	500	850	1000

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- QCVN 19:2009/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về khí thải công nghiệp đối với bụi và các chất vô cơ

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234371

1. **Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Phân loại mẫu** : Nước thải
3. **Thông tin mẫu** : NT1 - Nước thải trước hệ thống xử lý
4. **Ngày lấy mẫu** : 02/06/2023
5. **Ngày trả kết quả** : 09/06/2023

STT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT, Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
01	Lưu lượng(*)	m ³ /h	53	-	-	-
02	Nhiệt độ	°C	31,6	-	40	SMEWW 2550B:2017
03	Màu (pH = 7)	Pt - Co	163	-	50	SMEWW 2120C:2017
04	pH	-	8,50	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
05	BOD ₅	mg/l	1536	-	30	TCVN 6001-1:2008
06	COD	mg/l	2612	-	75	SMEWW 5220C:2017
07	TSS	mg/l	209	-	50	TCVN 6625:2000
08	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
09	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
10	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
11	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	18,2	-	5	SMEWW 5520B&F:2017
12	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2
13	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH	0,06	5	SMEWW 4500.F.B&D:2017
14	N-NH ₄ ⁺	mg/l	11,6	-	5	TCVN 5988 : 1995
15	Tổng Nito	mg/l	32,2	-	20	TCVN 6638 :2000
16	Tổng Phospho	mg/l	8,3	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
17	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	197	-	500	SMEWW 4500.Cl.B:2017
18	Coliforms	MPN/100ml	4,6 x 10 ⁵	-	3000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp; (*): Thông tin do khách hàng cung cấp.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234372

- Địa điểm lấy mẫu** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
- Phân loại mẫu** : Nước thải
- Thông tin mẫu** : NT2 - Nước thải sau hệ thống xử lý
- Ngày lấy mẫu** : 02/06/2023
- Ngày trả kết quả** : 09/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
01	Lưu lượng ^(*)	m ³ /h	51	-	-	-
01	Nhiệt độ	°C	29,7	-	40	SMEWW 2550B:2017
02	Màu (pH = 7)	Pt - Co	23	-	50	TCVN 6185:2015
03	Mùi	-	Không khó chịu	-	-	-
04	pH	-	7,90	-	6 - 9	TCVN 6492:2011
05	BOD ₅	mg/l	25	-	30	TCVN 6010:2008
06	COD	mg/l	42	-	75	SMEWW 5220C:2017
07	TSS	mg/l	16	-	50	TCVN 6625:2000
08	Asen (As)	mg/l	KPH	0,0023	0,05	SMEWW 3113B:2017
09	Thủy ngân (Hg)	mg/l	KPH	0,0003	0,005	SMEWW 3112B:2017
10	Chì (Pb)	mg/l	KPH	0,0007	0,1	SMEWW 3113B:2017
11	Cadimi (Cd)	mg/l	KPH	0,0002	0,05	SMEWW 3113B:2017
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	mg/l	KPH	0,003	0,05	SMEWW 3500.Cr.B:2017
13	Crom III (Cr ³⁺)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3500.Cr.B:2017
14	Đồng (Cu)	mg/l	KPH	0,03	2	SMEWW 3111B:2017
15	Kẽm (Zn)	mg/l	KPH	0,06	3	SMEWW 3111B:2017
16	Niken (Ni)	mg/l	KPH	0,003	0,2	SMEWW 3111B:2017
17	Mangan (Mn)	mg/l	KPH	0,03	0,5	SMEWW 3111B:2017
18	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,08	1	SMEWW 3111B:2017
19	Thiếc (Sn)	mg/l	KPH	0,05	-	SMEWW 3111B:2017
20	Tổng xianua (CN ⁻)	mg/l	KPH	-	0,07	TCVN 6181:1996
21	Tổng phenol	mg/l	KPH	-	0,1	TCVN 6216:1996





Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 40:2011/BTNMT Giá trị C, Cột A	Phương pháp phân tích
22	Tổng dầu mỡ khoáng	mg/l	KPH	-	5	SMEWW 5520B&F:2017
23	Dầu mỡ động thực vật	mg/l	KPH	-	-	SMEWW 5520B&F:2017
24	Sunfua (tính theo H ₂ S)	mg/l	KPH	0,03	0,2	US EPA Method 376.2
25	Florua (F ⁻)	mg/l	KPH	-	5	SMEWW 4500.F.B&D:2017
26	N - NH ₄ ⁺	mg/l	KPH	0,25	5	TCVN 5988:1995
27	Tổng Nitơ	mg/l	6,4	-	20	TCVN 6638:2000
28	Tổng Phospho	mg/l	0,91	-	4	SMEWW 4500-P.B&E:2017
29	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	45,8	-	500	SMEWW 4500.Cl.B:2017
30	Clo dư (Cl ₂)	mg/l	0,83	-	1	TCVN 6225-3:2011
31	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật clo hữu cơ	µg/l	KPH	0,02	0,05	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3630C+ US.EPA.Method.8270D
32	Tổng hoá chất bảo vệ thực vật phospho hữu cơ	µg/l	KPH	0,18	0,3	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3620C+ US.EPA.Method.8270D
33	Tổng PCB	µg/l	KPH	0,1	0,003	US.EPA.Method.3510C+ US.EPA.Method.3630C+ US.EPA.Method.8270D
34	Coliforms	MPN/100ml	1,5 x 10 ³	-	3000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

Chiam doc

NGUYỄN THỊ NGỌC BÁU

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- (*): Thông tin do khách hàng cung cấp.
- QCVN 40:2011/BTNMT: Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải công nghiệp.
- Giá trị tiêu chuẩn trên chưa tính đến hệ số lưu lượng/dung tích nguồn tiếp nhận nước thải (K_q) và hệ số lưu lượng nguồn thải (K_đ)

PHƯƠNG NAM



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com

Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4212

1. **Tên khách hàng** : **CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG**
Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Thông tin mẫu** : NM1 - Nước mặt sông Tiền cách Công ty 100 m phía thượng nguồn
3. **Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 5 lít, mẫu vàng nâu nhạt, ít cặn lắng
4. **Ngày nhận mẫu** : 01/06/2023
5. **Thời gian thử nghiệm**: 01/06/2023 – 07/06/2023
6. **Ngày trả kết quả** : 08/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Giá Trị C Cột A2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,75	-	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/l	7,8	-	≥ 5	TCVN 7325:2016
03	BOD ₅	mg/l	4	-	6	TCVN 6001-2:2008
04	COD	mg/l	10	-	15	SMEWW 5220C:2017
05	TSS	mg/l	18	-	30	TCVN 6625:2000
06	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,28	-	0,3	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
07	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	38,5	-	350	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
8	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
9	N-NO ₃ ⁻	mg/l	KPH	0,015	5	TCVN 6180:1996
10	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,17	-	0,2	SMEWW 4500-P.E:2017
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	0,025	0,2	TCVN 6622-1:2009
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	0,3	0,5	SMEWW 5520B:2017
13	Coliform	MPN/100ml	3,9 x 10 ³	-	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc

Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.

QCVN 08-MT:2015/BTNMT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt



PHƯƠNG NAM

Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM
 Hot line : 0919797284 - 0919986829
 E-mail : moitruongphuongnam@gmail.com
 Website : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

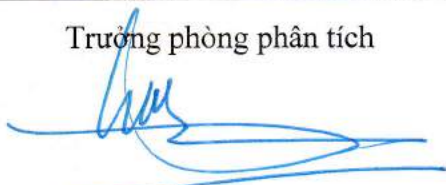
PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 23.4213

1. **Tên khách hàng** : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG
 Địa chỉ : Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
2. **Thông tin mẫu** : NM2 - Nước mặt sông Tiền cách Công ty 100 m phía hạ nguồn
3. **Mô tả mẫu** : Mẫu thử nghiệm chứa trong can nhựa 5 lít, mẫu vàng nâu nhạt, ít cặn lắng
4. **Ngày nhận mẫu** : 01/06/2023
5. **Thời gian thử nghiệm** : 01/06/2023 – 07/06/2023
6. **Ngày trả kết quả** : 08/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 08-MT:2015/BTNMT Giá Trị C Cột A2	Phương pháp phân tích
01	pH	-	6,71	-	6 – 8,5	TCVN 6492:2011
02	DO	mg/l	7,9	-	≥ 5	TCVN 7325:2016
03	BOD ₅	mg/l	4	-	6	TCVN 6001-2:2008
04	COD	mg/l	9	-	15	SMEWW 5220C:2017
05	TSS	mg/l	23	-	30	TCVN 6625:2000
06	N-NH ₄ ⁺	mg/l	0,26	-	0,3	SMEWW 4500 NH3 B&F:2017
07	Clorua (Cl ⁻)	mg/l	40,1	-	350	SMEWW 4500-Cl ⁻ .B:2017
08	Sắt (Fe)	mg/l	KPH	0,04	1	TCVN 6177:1996
09	N-NO ₃ ⁻	mg/l	KPH	0,015	5	TCVN 6180:1996
10	P-PO ₄ ³⁻	mg/l	0,18	-	0,2	SMEWW 4500-P.E:2017
11	Chất hoạt động bề mặt	mg/l	KPH	0,025	0,2	TCVN 6622-1:2009
12	Tổng dầu, mỡ	mg/l	KPH	0,3	0,5	SMEWW 5520B:2017
13	Coliform	MPN/100ml	4,6 x 10 ³	-	5000	TCVN 6187-1:1996

Trưởng phòng phân tích


 Ngô Thị Bích Thuận



Giám đốc


 Nguyễn Thị Ngọc Báu

Ghi chú :

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu: 7 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích).
- KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.



Trụ sở : 1358/21/5G Đường Quang Trung, P. 14, Q. Gò Vấp, TP. HCM

Hot line : 0919797284 - 0919986829

E-mail : moitruongphuongnam@gmail.comWebsite : www.moitruongphuongnam.com

PHÒNG THÍ NGHIỆM ĐẠT CHỨNG NHẬN VIMCERTS 039 & ISO/IEC 17025:2017

PHIẾU KẾT QUẢ KIỂM NGHIỆM

Mã số phiếu: 234370

1. Địa điểm lấy mẫu : CÔNG TY TNHH NHÀ MÁY BIA HEINEKEN VN - TIỀN GIANG

Địa chỉ: Khu Công Nghiệp Mỹ Tho, Xã Trung An, Thành Phố Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang

2. Phân loại mẫu : Bùn thải3. Thông tin mẫu : BT - Bùn thải từ hệ thống xử lý nước thải4. Ngày lấy mẫu : 02/06/20235. Ngày trả kết quả : 09/06/2023

TT	Chỉ tiêu phân tích	Đơn vị	Kết quả	LOD	QCVN 50:2013/BTNMT	Phương pháp phân tích
					Hàm lượng tuyệt đối cơ sở H ₁₆ , T = 0,295	
01	pH	-	5,62	-	2 – 12,5	US EPA Method 9040C+ US EPA Method 9045D
02	Asen (As)	ppm	KPH	0,36	13.2	US EPA Method 3050B + SMEWW 3113B:2017
03	Bạc (Ag)	ppm	KPH	0,16	33.0	
04	Cadimi (Cd)	ppm	KPH	0,18	3.3	
05	Chì (Pb)	ppm	KPH	0,23	99.0	
06	Selen (Se)	ppm	KPH	0,20	6.61	TCVN 8963:2011+ SMEWW 3113B:2017
07	Bari (Ba)	ppm	KPH	6,61	661	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111D:2017
08	Coban (Co)	ppm	KPH	5,79	528	US EPA Method 3050B + SMEWW 3111B:2017
09	Kẽm (Zn)	ppm	KPH	2,74	1651	
10	Niken (Ni)	ppm	KPH	3,53	462	
11	Thủy ngân (Hg)	ppm	KPH	0,110	1.32	US EPA Method 7471B + SMEWW 3112B:2017
12	Crom VI (Cr ⁶⁺)	ppm	KPH	3	33.0	US EPA Method 3060A + EPA Method 7196A
13	Tổng Xyanua (CN ⁻)	ppm	KPH	3,0	195	EPA Method 9013A+ EPA Method 9010C+ EPA Method 9014
14	Tổng dầu	mg/l	26,1	5	50 ^(*)	TCVN 9239:2017+ SMEWW 5520B:2017
15	Phenol (C ₆ H ₅ OH)	ppm	KPH	3,0	6605	US EPA Method 3550C+ US EPA Method 3630C+ US EPA Method 8041A
16	Benzen (C ₆ H ₆)	ppm	KPH	0,4	3.3	US EPA Method 5021A+ US EPA Method 8015D

Trưởng phòng phân tích

Ngô Thị Bích Thuận

**Ghi chú :**

- Các kết quả phân tích chỉ có giá trị đối với mẫu thử phân tích đã mã hóa như trên.
- Không được trích sao một phần hay toàn bộ kết quả phân tích nếu không có sự đồng ý bằng văn bản của công ty.
- Thời gian lưu mẫu : 5 ngày kể từ ngày trả kết quả (Hết thời gian lưu mẫu, PTN không giải quyết việc khiếu nại kết quả phân tích)
- (*) Giá trị so sánh với ngưỡng nguy hại tính theo nồng độ ngâm chiết C_{tc} (mg/l); KPH: Không phát hiện; LOD: Giới hạn phát hiện.
- T là tỷ số giữa khối lượng thành phần rắn khô trong mẫu bùn thải trên tổng khối lượng mẫu bùn thải.